UBND HUYỆN ĐẦM HÀ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 62/PGD&ĐT-TTH

V/v thực hiện Kết luận số 198/KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đầm Hà, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Các trường MN, TH, TH&THCS, THCS trong huyện.

Thực hiện Kết luận số 198/KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc kiểm tra rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư của thiết bị thuộc các dự án: Tăng cường ứng dụng CNTT tiên tiến trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I, II, III); đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo (thuộc Đề án 293 - Nguồn nhân lực); đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước uống tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I).

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường học thực hiện một số nội dung sau:

- Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị, phần mềm, phòng học, phòng điều hành của Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và Dự án trường học thông minh; kịp thời triển khai các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại hạn chế mà Đoàn kiểm tra đã chỉ ra tại Kết luận số 198/KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 (*Kết luận gửi kèm*).

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên, nhân viên của cấp học về việc quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích các thiết bị đã được trang cấp.

- Định kì rà soát, đánh giá tình trạng thiết bị, mức độ tiêu hao, căn cứ quy định về sử dụng tài sản công để có kế hoạch thanh lí và bổ sung kịp thời nhằm phát huy hiệu quả của các dự án đã đầu tư góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá việc quản lý, sử dụng hiệu quả thiết bị được trang sắm. Thực hiện việc bảo dưỡng, bảo trì thiết bị nhằm giảm thiểu hư hỏng, khắc phục kịp thời các hư hỏng, vận hành lại để sử dụng hiệu quả thiết bị được trang sắm, tránh tình trạng không sử dụng gây lãng phí trong đầu tư.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-TP, các PTP;
- Cổng TTĐT;
- Lưu VT, KH./.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người ký: Nguyễn Thu Hiền
Email: nguyenthuhien.dh@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Huyện Đầm Hà, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh Quảng Ninh
Chức vụ: Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo
Thời gian ký: 29.03.2023 10:20:01 +07:00

Nguyễn Thu Hiền

SAO Y; Sở Giáo dục và Đào tạo; 31/01/2023

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 198 /KL-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

KẾT LUẬN

Kiểm tra rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư của thiết bị thuộc các dự án: Tăng cường ứng dụng CNTT tiên tiến trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I, II, III); đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo (thuộc Đề án 293 - Nguồn nhân lực); đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước uống tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I)

Thực hiện Quyết định số 1978/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thành lập Đoàn kiểm tra rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư của thiết bị thuộc các dự án: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tiên tiến trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I, II, III); đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo (thuộc Đề án 293 - Nguồn nhân lực); đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước uống tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I), Đoàn Kiểm tra đã tiến hành kiểm tra trực tiếp tại 40 đơn vị gồm phòng GDĐT và các trường được trang sắm thiết bị thuộc các dự án.

Xét báo cáo kết quả kiểm tra ngày 31/01/2023 của Trưởng Đoàn kiểm tra, Giám đốc Sở GDĐT kết luận như sau:

I. Thông tin chung về các dự án đầu tư

1. Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến (giai đoạn I, II, III)

Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến trong ngành giáo dục (gọi tắt là dự án) gồm các gói: phòng học tương tác ứng dụng CNTT, phòng học/họp trực tuyến web conferencing, hệ thống thiết bị hỗ trợ xây dựng bài giảng/giáo án điện tử, hệ thống hạ tầng CNTT, cơ sở vật chất và phần mềm trang bị cho 32 cơ sở giáo dục[1]; cơ sở vật chất trang bị tại Sở GDĐT và trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, được triển khai thành 3 giai đoạn; 216 phòng học ứng dụng CNTT[2]; 32 phòng học/họp trực tuyến[3]; 32 bộ thiết bị sản xuất học liệu, bài giảng; hệ thống hạ tầng

[1] **Giai đoạn 1 (3 trường)**: Tiểu học Vĩnh Khê, THCS Bãi Cháy, THPT Uông Bí; **Giai đoạn 2 (12 trường)**: TH Cẩm Đông, THCS Cẩm Thịnh (Cẩm Phả); TH Minh Hà (Hạ Long); TH Ngô Quyền, THCS Lê Quý Đôn (Quảng Yên); TH Kim Đồng (Đông Triều); THCS Thị trấn Tiên Yên; THCS Hòa Lạc (Móng Cái); THCS Yên Thanh (Uông Bí); THPT Hoàng Quốc Việt; THPT Hải Đảo; THPT Hoành Bồ; **Giai đoạn 3 (17 trường)**: TH Lý Tự Trọng (Móng Cái); TH Cẩm Bình (Cẩm Phả); TH Trưng Vương, TH Yên Thanh (Uông Bí); TH Hạ Long, TH Bãi Cháy, THCS Trọng Điểm (Hạ Long); THCS Thị trấn Đầm Hà (Đầm Hà); THCS Nguyễn Du (Đông Triều); THPT Trần Phú; THPT Quảng Hà; THPT Tiên Yên; THPT Lê Hồng Phong; THPT Cẩm Phả; THPT Hòn Gai; THPT Chuyên Hạ Long; THPT Bãi Cháy.

[2] Giai đoạn 1: 22 phòng, giai đoạn 2: 60 phòng, giai đoạn 3: 134 phòng.

[3] Giai đoạn 1: 3 phòng, giai đoạn 2: 12 phòng, giai đoạn 3: 17 phòng.

mạng, CNTT[4]; phần mềm nội bộ và bài giảng điện tử, ... với tổng số tiền 360.882 triệu đồng[5].

2. Dự án đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo thuộc Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 (giai đoạn I)

- Dự án đầu tư trang thiết bị để tổ chức các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực trực tuyến trên cơ sở ứng dụng các giải pháp CNTT và truyền thông hiện đại góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triên toàn diện nguồn nhân lực tỉnh đến năm 2020. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp từ dự án là giáo viên và học sinh, học viên[6]. Tổng mức đầu tư: 29.590 triệu đồng.

3. Dự án Đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước uống tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn I

Dự án đầu tư cho **162 cơ sở**[7] giáo dục công lập thuộc địa bàn khó khăn hệ thống thiết bị xử lý và cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống và nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai của Bộ Y tế. Dự án được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1938/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 với tổng mức đầu tư 40.367 triệu đồng và được Sở Tài chính phê duyệt quyết toán theo Quyết định số 979/QĐ-STC ngày 22/3/2018 với tổng giá trị 37.402 triệu đồng.

II. Kết quả kiểm tra

1. Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến (giai đoạn I, II, III)

1.1 Ưu điểm: Qua kiểm tra tại các cơ sở giáo dục được trang cấp cho thấy cơ bản các thiết bị, phần mềm được trang bị theo các gói của dự án được đưa vào khai thác và sử dụng đúng mục đích đầu tư, đúng đối tượng thụ hưởng là giáo viên và học sinh; đến nay một số thiết bị cơ bản vẫn đang hoạt động tương đối ổn định và phát huy hiệu quả:

- *Trong công tác chỉ đạo, quản lý*: Các nhà trường, phòng GDĐT đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT

---

[4] Có 12 bộ thiết bị gồm: máy quay phim có đế 3 chân, micro chuyên dụng, ổ cứng di động, bộ trộn kênh, máy trạm xử lý video, card đồ họa dựng phim, phần mềm xử lý video, hệ thống đèn phòng quay phim, máy tính xách tay.

[5] Giai đoạn 1: 66.614 triệu đồng; giai đoạn 2: 121.125 triệu đồng; giai đoạn 3: 173.143 triệu đồng

[6] Địa điểm đầu tư: Trường đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ; Trường ĐH Hạ Long (cơ sở 2); Trung tâm HN&GDTX Tỉnh; Phòng GD&ĐT của 11 huyện, thị xã, thành phố (gồm: Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên, Hoành Bồ, Cẩm Phả, Vân Đồn, Bình Liêu, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái, Tiên Yên); Trung tâm bồi dưỡng Chính trị của 12 huyện, thị xã, thành phố (gồm: Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên, Hoành Bồ, Cẩm Phả, Vân Đồn, Bình Liêu, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái, Tiên Yên, Ba Chẽ), trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

[7] 69 hệ thống xử lý và cung cấp nước uống với công suất 500lít/ngày đêm, mỗi hệ thống gồm các thiết bị: 02 thiết bị tiền xử lý nước, 01 thiết bị xử lý chính, 01 bơm tăng áp tự động bơm nước, 01 bồn chứa nước sau xử lý, 01 đèn UV, vật tư phụ lắp đặt kèm theo; 93 hệ thống xử lý và cung cấp nước uống với công suất 1.500 - 2.000 lít/ngày đêm, mỗi hệ thống gồm các thiết bị: 02 thiết bị tiền xử lý nước, 01 thiết bị xử lý chính, 01 bơm tăng áp tự động bơm nước, 01 bồn chứa nước sau xử lý, 01 đèn UV, vật tư phụ lắp đặt kèm theo; 2.098 bộ thiết bị đựng nước và thiết bị đi kèm để cung cấp nước uống cho 162 cơ sở giáo dục công lập, mỗi bộ thiết bị bao gồm: 01 bình chứa nước Inox 20 lít, cốc uống nước bằng inox, 01 giá đỡ kích thước 456 x 356 x 700mm bằng inox, 255 bộ xe đẩy tay phục vụ việc vận chuyển nước từ máy lọc nước đến các lớp học

về tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị được trang sắm; xây dựng kế hoạch, quy chế, nội quy, quy định về quản lý, khai thác sử dụng thiết bị dạy học thông minh; thành lập tổ quản lí sử dụng tài sản, thiết bị, đồ dùng của nhà trường; đồng thời chỉ đạo thông qua các văn bản chuyên môn như: kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch dạy học môn học của tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy của giáo viên. Hằng năm, các nhà trường đều thực hiện kiểm kê rà soát, đánh giá, theo dõi tài sản theo quy định.

- *Công tác tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, nhân viên trong việc sử dụng, bảo quản thiết bị*: Tại thời điểm được trang sắm, bàn giao thiết bị về các nhà trường, Sở GDĐT đã phối hợp với đơn vị cung cấp tổ chức các lớp tập huấn sử dụng, khai thác, bảo quản thiết bị; chỉ đạo các trường tổ chức hướng dẫn cho giáo viên, học sinh hiểu các mức độ vận hành thiết bị và sử dụng ở mức độ căn bản[8]. Sau thời gian vận hành các thiết bị đưa vào giảng dạy và học tập, cơ bản giáo viên và học sinh đã sử dụng thành thạo, kỹ năng ứng dụng CNTT vào giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh được cải thiện và nâng lên.

- *Công tác khai thác, sử dụng:* Qua kiểm tra tại các nhà trường, Đoàn kiểm tra nhận thấy đa số các thiết bị được cung cấp đều được đưa vào khai thác và sử dụng; khai thác có hiệu quả kho video bài giảng của Sở GDĐT[9], của Bộ GDĐT[10] và ấn phẩm điện tử các nhà xuất bản[11]. Tại tất cả các môn học, các lớp học, giáo viên bộ môn và học sinh đã chủ động trong việc khai thác thiết bị dạy học ở các mức độ dạy học khác nhau tạo cho học sinh sự hứng thú, tích cực và say mê trong mỗi giờ học[12]. Đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, học sinh phải học trực tuyến thì hệ thống các các thiết bị ứng dụng CNTT tiên tiến tại các lớp đã phát huy rõ tính ưu việt và hiệu quả rõ rệt, góp phần đảm bảo chất lượng giáo dục; nhiều trường ở khu vực thuận lợi đã linh hoạt cho học sinh kết nối máy điện thoại thông minh với thiết bị của giáo viên trong các giờ học để làm bài tập, trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên máy tính hoặc bảng tương tác thông minh, …. Qua kiểm tra, đánh giá cho thấy hầu hết chất lượng giáo dục của các trường được trang bị thiết bị dạy học thông minh đều được nâng lên. Nhờ đó, kết quả thi tốt nghiệp của tỉnh Quảng Ninh năm 2022 tăng 19 bậc trong bảng xếp hạng điểm thi tốt nghiệp THPT so với năm 2020.

- *Đánh giá chất lượng và hiệu quả của các thiết bị dạy học thông minh: (1)* Thiết bị được trang bị tại các phòng học: được sử dụng nhiều nhất là bảng tương tác kèm phần mềm[13], hệ thống loa, micro không dây, máy tính bảng. Các thiết bị

---

[8] Tính đến hết năm học 2021-2022 có 510 cuộc tập huấn (CBQL 115 cuộc, GV&NV: 328 cuộc, HS: 70 cuộc).

[9] Danh sách gần 5000 video bài giảng từ lớp 1 đến lớp 12 tại địa chỉ https://bit.ly/dsvideobaigiang.

[10] Kho học liệu số https://igiaoduc.vn, https://tbdhs.moet.gov.vn/storage.

[11] Kho học liệu theo các bộ SGK: https://hoc10.vn, https://hanhtrangso.nxbgd.vn, https://www.sachmem.vn,

[12] Tính từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 có tổng số 397.657tiết học có sử dụng thiết bị tại các nhà trường, trong đó: 305.948 tiết dạy ở mức độ 1, 75.426 tiết dạy ở mức độ 2, 11.251 tiết dạy ở mức độ 3; 2.601 lượt giáo viên áp dụng ở các mức độ 1,2,3; các môn học đều có ứng dụng CNTT tiên tiến trong giảng dạy (kể cả môn thể dục); số bài giảng tự thiết kế, xây dựng ở các mức độ là 275.908 bài; số học sinh được học tập tại phòng học có sử dụng thiết bị CNTT tiên tiến là 59.115 em.

[13] Bảng tương tác kèm phần mềm, Model: AP5-86E-4K, Hãng sản xuất: Promethean, Xuất xứ: Singapore hoặc Model: TE-LN-86, Hãng sản xuất: Foxconn, Xuất xứ: Thái Lan. Số màn hình tương tác còn hoạt động là 194/248 = 78,86% (hỏng 54 cái chiếm 21,77%). Số máy tính xách tay còn hoạt động là 407/538 = 75,65% (hỏng hoặc không còn sử dụng được 131 chiếc, 24,35%).

này được khai thác sử dụng thường xuyên ở cả 3 mức độ dạy học và ở tất cả các khối lớp. Thiết bị camera[14] dạy học trực tuyến được sử dụng hiệu quả vào các giờ học trực tuyến (trong giai đoạn dịch bệnh): một số đơn vị duy trì việc sử dụng thiết bị cho hoạt động ôn luyện HSG, phụ đạo học sinh yếu kém, các hoạt động không trong giai đoạn dịch bệnh[15]; Hệ thống camera giám sát tại các lớp học cơ bản hoạt động ổn định, phát huy được hiệu quả thiết bị, hiện có 167/210 (79,52%) hoạt động bình thường, ổn định (hỏng 43 chiếc); *(2)* Thiết bị Phòng họp trực tuyến của nhà trường: Được sử dụng cho các cuộc họp trực tuyến do các cấp tổ chức, đặc biệt phát huy hiệu quả trong giai đoạn diễn ra dịch bệnh covid-19; Tình trạng thiết bị hoạt động bình thường (100%); *(3)* Màn hình ti vi phục vụ công tác giám sát và điều hành nhà trường được lắp đặt tại phòng làm việc của hiệu trưởng cơ bản phát huy hiệu quả, giúp cho công tác quản lý các lớp học của nhà trường được thuận lợi.

1.2. Tồn tại, hạn chế

- Tính đến thời điểm hiện tại, trang thiết bị được đầu tư hầu hết đã qua thời gian sử dụng nhiều năm[16], hết khấu hao, đến nay hiện trạng thiết bị hỏng, lỗi, kết nối chậm diễn ra phổ biến ở một số thiết bị dẫn đến hiệu quả sử dụng không còn cao[17], một số thiết bị được trang sắm có nhiều tính năng[18] trong khi đội ngũ nhân sự chưa đáp ứng kịp thời, hơn nữa một số phần mềm chuyên dụng chỉ mua bản quyền có thời hạn 1 năm, dẫn đến việc chưa khai thác được hết các ứng dụng, gây lãng phí đầu tư.

- Công tác chỉ đạo, quản lý của các trường còn có mặt hạn chế, chưa phát huy tốt vai trò của các bộ phận chuyên môn, giáo viên vào việc khai thác, sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học thông minh: (1) Việc phổ biến, quán triệt nhiệm vụ về công tác quản lý, khai thác sử dụng thiết bị dạy học thông minh đối với cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và nhân viên (NV) ở một số đơn vị chưa thường xuyên, còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa rõ ràng; (2) Phần lớn các đơn vị chưa gắn với việc xây dựng mục tiêu phát triển nhà trường trở thành trường học thông minh trong Chiến lược phát triển nhà trường, chưa thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của giáo viên trong việc khai thác sử dụng, thay đổi nhận thức về triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy thông minh phù hợp với từng cá nhân người học; (3) Công tác bồi dưỡng năng lực sử dụng thiết bị và ứng dụng CNTT cho đội ngũ giáo viên chưa được quan tâm đúng mức; nhân

---

[14] Camera dùng cho học trực tuyến, Model:Cypressscom - CyCam500, chuẩn HD, giao diện USB.

[15] THPT Hòn Gai, THPT chuyên Hạ Long, Tiểu học Trần Quốc Toản (Hạ Long), THPT Hoàng Quốc Việt.

[16] **Giai đoạn 1** thời gian tính khấu hao từ 01/7/2016 đến nay là 6 năm 6 tháng(QĐ bàn giao tài sản số 4228/QĐ-SGD&ĐT ngày 31/12/2016), **Giai đoạn 2** thời gian tính khấu hao từ 01/6/2017 đến nay là 5 năm 6 tháng (QĐ bàn giao tài sản số 911/QĐ-SGDĐT ngày 20/5/2018), **Giai đoạn 3** thời gian tính khấu hao từ 01/7/2018 đến nay là 4 năm 6 tháng (QĐ bàn giao tài sản số 1393/QĐ-SGDĐT ngày 31/7/2019).

[17] Tổng số 7.948 máy tính bảng, hoạt động bình thường: 5.967 (75,08%), hỏng, thất lạc: 1981 (24,92%); camera dạy học trực tuyến có 179/216 = 82,87% bình thường; hỏng hoặc lỗi 37 chiếc (17,13%); bảng tương tác có 194/248 (78,23%), hỏng: 54/248 chiếc (21,77%); máy chiếu cự li gần bị lỗi, hỏng 55 chiếc (22,18%%); Hệ thống camera giám sát tại các lớp học bị lỗi, hỏng 43 chiếc (20,48%)

[18] Hệ thống thiết bị hỗ trợ xây dựng giáo án điện tử (máy quay phim để 3 chân, máy quét A4 tốc độ cao, bộ trộn kênh, máy trạm để dựng phim), hệ thống ánh sáng trắng phòng quay; tính năng ghi hình và kết nối với camera dạy học trực tuyến tại các lớp học, chưa khai thác thiết bị cho hoạt động chuyên môn tại đơn vị (dự giờ, xây dựng học liệu, số hóa hoạt động dạy và học).

viên thiết bị đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao, cán bộ hoặc nhân viên luân chuyển công tác nhưng đơn vị chưa bồi dưỡng đội ngũ nhân sự kế cận kịp thời; (4) Một số nhà trường chưa linh hoạt trong việc bố trí thời khóa biểu để nâng cao tần xuất sử dụng, phát huy tối đa hiệu quả phòng học ứng dụng CNTT tiên tiến được trang sắm; (5) Xây dựng Kế hoạch sử dụng các phòng học ứng dụng CNTT tiên tiến trong tổ chức dạy học chưa sát với điều kiện thực tế, thực trạng về đội ngũ, và yêu cầu nhiệm vụ của từng năm học, đồng thời chưa thực hiện tốt việc rà soát, kiểm đếm, đánh giá kết quả giáo viên sử dụng phòng học thông minh theo các mức độ ở cuối mỗi năm học, báo cáo cấp quản lí chưa kịp thời; (6) Một số đơn vị, công tác quản lý thiết bị thiếu chặt chẽ dẫn đến để mất, thất lạc thiết bị[19].

- Chưa chủ động trong công tác bảo hành, bảo trì làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng và khai thác thiết bị của giáo viên. Kinh phí dành cho sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị ở các trường sau khi hết thời gian bảo hành còn hạn chế, khó khăn, dẫn đến không kịp thời sửa chữa, khắc phục các thiết bị bị hỏng, lỗi để đưa vào sử dụng[20].

- Còn hạn chế trong việc khai thác sử dụng hệ thống LMS được thiết kế cho hệ thống thiết bị[21] do xuất phát từ nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan như: không được cấp tài khoản, hoặc không được tập huấn để làm chủ phần mềm dẫn đến việc xây dựng nguồn học liệu, bài giảng trực tuyến mang tính đơn lẻ, rời rạc, không đồng bộ với nguồn dữ liệu dùng chung từ hệ thống.

1.3. Nguyên nhân

- Các dự án đầu tư, sử dụng thiết bị CNTT chưa được đồng bộ kết nối để tạo thành hệ thống giáo dục thông minh toàn diện[22]. Hạ tầng mạng, đường truyền internet, kết nối giữa các thiết bị khó khăn, rời rạc[23], kỹ năng, nghiệp vụ và kinh nghiệm quản lý trang thiết bị của lãnh đạo một số trường còn hạn chế.

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên có kiến thức về CNTT còn thiếu; giáo viên, nhân viên phải kiêm nhiệm thêm nhiều nhiệm vụ là nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế trong quản lý sử dụng thiết bị tại đơn vị. Công tác bồi dưỡng, chuyển giao kỹ thuật cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của các nhà trường vận hành hệ thống phần mềm, phần cứng chưa được thực hiện thường xuyên, thiếu giám sát để đảm bảo tính chính xác, hiệu quả của hệ thống.

- Ngoài ra, tại một số đơn vị, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của hệ thống phòng học, thiết bị CNTT tiên tiến và chưa thực sự nhận thức về trách nhiệm khai thác, sử dụng các phần mềm ứng

---

[19] THCS Bãi Cháy (12); THPT Hải Đảo (80); Móng Cái: Tiểu học Lý Tự Trọng (3); THPT chuyên Hạ Long (16).
[20] THCS thị trấn Tiên Yên, THPT Trần Phú, THPT Hoàng Quốc Việt, THCS Nguyễn Du,…
[21] Phần mềm cung cấp, cài đặt bài giảng điện tử tại địa chỉ: http://lv.quangninh.edu.vn/
[22] Phần cứng (máy tính bảng của học sinh, máy tính của giáo viên), học liệu số/bài giảng điện tử, hệ thống LMS, ngân hàng câu hỏi, kiểm tra, đánh giá, quản lí điều hành từ cấp sở, cấp phòng với các nhà trường.
[23] THCS Yên Thanh, THCS Lê Quý Đôn, Tiểu học Minh Hà, THCS thị trấn Đầm Hà, …

dụng vào giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo[24].

- Công tác kiểm tra đánh giá, giám sát việc thực hiện dự án ngay sau giai đoạn đầu tư chưa được quan tâm đúng mức.

2. Dự án đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo thuộc Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 (giai đoạn I)

2.1. Ưu điểm

- Dự án đã trang bị hệ thống thiết bị giảng dạy ngoại ngữ hiện đại, ứng dụng phần mềm giảng dạy tiên tiến, kết nối đồng bộ với các trang thiết bị như bảng tương tác, máy tính, máy trắc nghiệm… nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tập huấn, hội nghị, hội thảo theo hình thức đào tạo tại chỗ và trực tuyến cho giáo viên và học sinh.

- Việc sử dụng các thiết bị dạy học tiên tiến đã giúp cho việc giảng dạy và học tập trở nên hứng thú hơn, tập trung hơn và giúp nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho cả giáo viên và học sinh.

- Qua kiểm tra và đánh giá tại các cơ sở giáo dục, chất lượng dạy học ngoại ngữ được nâng cao, năng lực sử dụng ngoại ngữ, kĩ năng giao tiếp của học sinh được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập ngoại ngữ ở mức khá, giỏi cao hơn so với giai đoạn chưa được đầu tư thiết bị[25]. Đội ngũ giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học kết nối với các thiết bị dạy học, góp phần làm cho bài dạy sinh động, phong phú và truyền thụ được nhiều kiến thức cho học sinh.

2.2. Tồn tại, hạn chế

- Trong giai đoạn đầu tư của dự án, các đơn vị: Trường đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ; Trường ĐH Hạ Long (cơ sở 2); các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và Trung tâm HN&GDTX Tỉnh chưa tổ chức được các lớp đào tạo trực tuyến, vẫn chủ yếu đào tạo trực tiếp tại chỗ nên các thiết bị đầu cuối phục vụ dạy học trực tuyến chưa phát huy hết hiệu quả.

- Hệ thống hạ tầng CNTT, chất lượng mạng Internet phục vụ việc khai thác các phần mềm, dữ liệu học tập điện tử ở một số đơn vị còn hạn chế nên không khai thác triệt để tính năng, công năng của thiết bị.

- Các đơn vị được đầu tư của dự án không thường xuyên cập nhật, bổ sung nguồn cho bài giảng điện tử, kho học liệu số nên việc khai thác tư liệu của giáo viên và học sinh còn gặp khó khăn.

---

[24] Công văn số 805/SGDĐT-GDTrH ngày 12/4/2018 về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng và khai thác có hiệu quả thiết bị đồ dùng, phòng học ứng dụng CNTT tiên tiến và Công văn số 295/SGDĐT-GDTrH ngày 31/01/2019 về việc quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị, phần mềm, phòng học, phòng điều hành của Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và Dự án trường học thông minh.

[25] Kết quả thi tốt nghiệp THPT tăng những năng gần đây, xếp hạng toàn quốc các năm gần đây: Năm 2020: 40/63, năm 2021: 23/63, năm 2022: 15/63.

2.3. Nguyên nhân

- Dự án được đầu tư là dự án có tính chất đặc thù, phức tạp, mới được triển khai trong khi các đơn vị không có nhân viên chuyên trách có trình độ chuyên môn CNTT dẫn đến công tác quản lý, bảo quản, khai thác sử dụng còn gặp khó khăn, thiếu hiệu quả.

- Các thiết bị thuộc dự án cơ bản là các thiết bị điện tử tuổi thọ không cao, có hao mòn theo thời gian, phát sinh hư hỏng trong quá trình sử dụng đòi hỏi phải có kinh phí duy trì, bảo dưỡng hệ thống, trang thiết bị hằng năm nhưng do không có kinh phí duy trì hệ thống dẫn đến khả năng kết nối dữ liệu không đảm bảo, thiết bị hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng tới khả năng vận hành của cả hệ thống.

- Các trường và cơ sở giáo dục chưa chủ động, thiếu giải pháp đào tạo, bồi dưỡng bằng hình thức trực tuyến, vẫn chú trọng hình thức trực tiếp tại chỗ nên chưa sử dụng hết chức năng của các thiết bị dạy học trực tuyến.

3. Dự án Đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước uống tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn I

3.1. Ưu điểm

- Dự án bàn giao đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần đảm bảo sức khỏe cho trẻ em, học sinh, giáo viên, nhân viên. Nhờ hệ thống lọc nước các trường có nguồn nước sạch phục vụ nhu cầu cung cấp uống trực tiếp, không cần đun sôi, thuận tiện và bớt được các khoản chi phí tốn kém.

- Các nhà trường tiết kiệm được nguồn chi phí mua nước uống, luôn chủ động và kiểm soát được chất lượng nước, giúp tạo niềm tin, uy tín đối với phụ huynh học sinh. Đặc biệt, với các trường mầm non, tiểu học, học sinh còn nhỏ, hệ tiêu hóa còn yếu thì việc trang bị các máy lọc nước để phục vụ sinh hoạt bán trú càng trở nên quan trọng.

- Dự án đã ưu tiên đầu tư cho 162 cơ sở giáo dục công lập thuộc địa bàn khó khăn thuộc các địa phương[26], với số học sinh được thụ hưởng **259.334 người/năm học**. Trong 6 năm, dự án bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng, theo báo cáo của 162 trường được thụ hưởng dự án, chi phí vận hành hệ thống xử lý nước (tiền điện, nước, công bảo trì) chỉ mất trên 5,6 tỷ đồng trong khi số tiền nếu phải mua nước uống đóng bình là 16,6 tỷ đồng, như vậy số tiền đã tiết kiệm ước tính được gần 10 tỷ đồng.

- Với các trường, nhất là trường mầm non, tiểu học có tổ chức bữa ăn bán trú thì việc trang bị các máy lọc nước càng trở nên quan trọng, cần thiết để đảm bảo nguồn nước an toàn phục vụ cho bữa ăn bán trú của học sinh và trẻ mầm non; nhờ đó, tất cả các đơn vị được trang bị hệ thống máy lọc nước đều chưa bao giờ để xảy ra ngộ độc, mất an toàn thực phẩm[27].

---

[26] Uông Bí 13 trường; Đông Triều 17 trường; Hạ Long 14 trường; Quảng Yên 15 trường; Ba Chẽ 8 trường; Tiên Yên 15 trường; Cô Tô 8 trường; Cẩm Phả 15 trường; Đầm Hà 16 trường; Hải Hà 20 trường; Bình Liêu 19 trường và Móng Cái 01 trường.

[27] Các trường trong dự án tại thời điểm khảo sát khoảng 60% các trường sử dụng nước giếng khoan,

3.2. Tồn tại hạn chế

- Chất lượng của một số thiết bị chưa tốt dẫn đến 25 cơ sở giáo dục bị hỏng thiết bị tiền xử lý sau khi đưa vào sử dụng một thời gian ngắn đã bị hỏng một số linh kiện, thiết bị, buộc phải thay thế, gây tốn kém.

- Các cơ sở giáo dục không có nhân viên phụ trách quản lý có chuyên môn, không am hiểu về điện, nước, dẫn đến công tác quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị gặp khó khăn.

- Một số cơ sở giáo dục chưa bố trí nguồn kinh phí để duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nhất là khi thiết bị phải sửa chữa với kinh phí lớn nên đã cho dừng hoạt động của hệ thống lọc nước.

- Một số trường chưa kịp thời nhập sổ theo dõi tài sản, để theo dõi tính khấu hao tài sản theo quy định.

3.3. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế

- Dự án được đầu tư đều là dự án có tính chất đặc thù, phức tạp, mới được triển khai trong khi các đơn vị không có nhân viên chuyên trách có trình độ chuyên môn dẫn đến công tác quản lý, bảo quản, sử dụng còn gặp khó khăn.

- Các thiết bị thuộc dự án cơ bản phải bảo dưỡng thay thế lõi lọc định kỳ hằng năm do không có kinh phí duy trì hệ thống dẫn đến khả năng thiết bị hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng tới khả năng vận hành của cả hệ thống.

III. Kiến nghị biện pháp xử lý

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

- Quan tâm bố trí nguồn ngân sách để thực hiện cấp kinh phí cho các đơn vị phục vụ công tác vận hành (tiền điện, tiền thuê bao internet, …) sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống thiết bị dạy học, phòng họp/học trực tuyến, thiết bị hỗ trợ xây dựng giáo án,… thuộc dự án tăng cường ứng dụng CNTT tiên tiến trong ngành giáo dục đã được trang sắm.

- Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố ưu tiên biên chế để tuyển dụng giáo viên, nhân viên thiết bị, đảm bảo người có chuyên môn tham gia quản lý và vận hành hệ thống thiết bị ở các trường đã được trang sắm theo dự án.

2. Đối với đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tham mưu cho lãnh đạo Sở trong việc chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ:

2.1. Phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng

- Tham mưu tuyển dụng, sắp xếp, bố trí đủ số lượng nhân viên có trình độ chuyên môn, nhân viên thiết bị đảm nhiệm nhiệm vụ tại các đơn vị theo quy định, tránh lãng phí thiết bị đầu tư.

---

nước khe, suối để sử dụng.

- Chỉ đạo tăng cường kiểm định, đánh giá, cải tiến chất lượng đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại các đơn vị được trang cấp theo các dự án trong quá trình thực hiện hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục tại đơn vị, trong đó tăng cường khai thác trang thiết bị ứng dụng CNTT tiên tiến, phòng học thông minh được trang sắm.

2.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn công tác khảo sát, lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị sát với thực tế và nhu cầu sử dụng của các nhà trường trong các dự án tới đây để tránh lãng phí đầu tư.

- Chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng hệ thống xử lý và cung cấp nước uống tại các đơn vị được cung cấp.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở định kì rà soát, đánh giá tình trạng thiết bị, mức độ tiêu hao, căn cứ quy định về sử dụng tài sản công để có kế hoạch thanh lí và bổ sung kịp thời nhằm phát huy hiệu quả của các dự án đã đầu tư góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Hướng dẫn quản lí, hạch toán kế toán, thanh lí theo quy định.

2.3. Phòng Giáo dục phổ thông

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kho học liệu số, tham mưu giới thiệu hệ thống quản lý học tập (LMS) cho các đơn vị lựa chọn chủ động sử dụng; gắn bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của Bộ GDĐT để xây dựng tiêu chí và chỉ tiêu chất lượng giáo dục, tăng cường nguồn lực đối với các trường được trang bị dự án trường học thông minh nhằm định vị thương hiệu cho các trường học thông minh, tạo sự nổi trội, khác biệt với các trường học thông thường.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn bổ sung về việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học ứng dụng CNTT tiên tiến, phòng học thông minh cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để đảm bảo đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Rà soát, điều chỉnh việc hướng dẫn quản lý, sử dụng thiết bị để tiếp tục giảm hồ sơ, sổ sách cho giáo viên, phát huy sự sáng tạo, linh hoạt của giáo viên trong quá trình dạy học.

2.4. Thanh tra Sở: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng thiết bị dạy học tại các đơn vị, cơ sở giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

2.5. Các trường có cấp trung học phổ thông

2.5.1. Đối với các trường được đầu tư dự án ứng dụng CNTT tiên tiến

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả chỉ đạo của Sở GDĐT về việc quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị, phần mềm, phòng học, phòng điều hành của Dự án ứng dụng

CNTT tiên tiến và Dự án trường học thông minh; kịp thời triển khai các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại hạn chế mà Đoàn kiểm tra đã chỉ ra.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, quán triệt đối với toàn bộ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong đơn vị có nhận thức đúng đắn về vai trò chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, ứng dụng CNTT tiên tiến, phòng học thông minh nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong giai đoạn hiện nay. Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên để làm xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị, đảm bảo thống nhất, xuyên suốt và hiệu quả.

- Chủ động rà soát, đánh giá lại trình độ, kỹ năng sử dụng thiết bị của cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và đề xuất với cấp quản lý bổ sung biên chế ưu tiên nhân viên thiết bị; hằng năm chủ động xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung cần thiết để tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý, cập nhật đúng, đủ số lượng, thực trạng thiết bị, phát hiện và xác định đúng tồn tại, hạn chế để xây dựng phương án khai thác, tăng tần xuất sử dụng và sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, người thụ hưởng trên cơ sở thiết bị hiện có của đơn vị. Tuyệt đối không để tình trạng thất thoát, lãng phí sau đầu tư.

- Định kì rà soát, đánh giá, tham mưu cấp quản lí thực hiện công tác thanh lí và bổ sung, sửa chữa kịp thời trang thiết bị được trang sắm nhằm phát huy hiệu quả của dự án đã đầu tư góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, thực hiện đổi số toàn diện tại đơn vị.

- Khai thác phòng học được trang bị các thiết bị ứng dụng CNTT tiên tiến một cách triệt để nhằm: đổi mới, đồng bộ phương pháp dạy học và phương thức thi, kiểm tra đánh giá người học; dạy học phân hóa theo năng lực nhận thức của học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông 2006 và chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng môi trường học tập trực tuyến, học mọi lúc-mọi nơi, theo kế hoạch chuyển đổi số của Sở GDĐT và theo Quyết định số 131/QĐ-TTg đối với ngành giáo dục cả nước.

2.5.2. Đối với các trường được trang bị hệ thống xử lý và cung cấp nước uống

- Thực hiện hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở GDĐT về thực hiện Thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để thực hiện công tác vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống xử lý nước uống đã được trang sắm.

- Thực hiện ngay việc bảo dưỡng, bảo trì thiết bị nhằm giảm thiểu hư hỏng, khắc phục kịp thời các hư hỏng, vận hành lại để sử dụng hiệu quả thiết bị được trang sắm, tránh tình trạng không sử dụng gây lãng phí trong đầu tư.

3. Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố

Phòng GDĐT có trách nhiệm trong việc tham mưu cho UBND địa phương, cụ thể:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của cấp học về việc quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích các thiết bị đã được trang cấp. Nâng cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả chỉ đạo của Sở GDĐT về việc quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị, phần mềm, phòng học, phòng điều hành của Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và Dự án trường học thông minh; kịp thời triển khai các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại hạn chế mà Đoàn kiểm tra đã chỉ ra.

- Chỉ đạo các đơn vị rà soát lại trình độ, kỹ năng sử dụng thiết bị của cán bộ, giáo viên, nhân viên của các trường và đề xuất bổ sung biên chế, lựa chọn nội dung tập huấn bồi dưỡng đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Chỉ đạo, tổ chức rà soát thiết bị giáo dục giữa các trường, kịp thời có phương án điều chuyển thiết bị để bảo đảm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng, tránh lãnh phí[28].

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục định kì rà soát, đánh giá tình trạng thiết bị, mức độ tiêu hao, căn cứ quy định về sử dụng tài sản công để có kế hoạch thanh lí và bổ sung kịp thời nhằm phát huy hiệu quả của các dự án đã đầu tư góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Quan tâm tuyển dụng, sắp xếp, bố trí vị trí nhân viên thiết bị cho các trường tiểu học, THCS thuộc phân cấp quản lý. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên, giáo viên được phân công kiêm nhiệm nhiệm vụ thiết bị trường học.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá việc quản lý, sử dụng hiệu quả thiết bị được trang sắm tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Thực hiện ngay việc bảo dưỡng, bảo trì thiết bị nhằm giảm thiểu hư hỏng, khắc phục kịp thời các hư hỏng, vận hành lại để sử dụng hiệu quả thiết bị được trang sắm, tránh tình trạng không sử dụng gây lãng phí trong đầu tư.

- Bố trí nguồn ngân sách để đầu tư, xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn cho các trường tiểu học, THCS; trong đó quan tâm phòng thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn kĩ thuật của các trường để đảm bảo thực hiện công tác bảo quản, sử dụng được hiệu quả.

---

[28] Trường THCS Nguyễn Du cũ tại thị xã Đông Triều, Tiểu học Trới, thành phố Hạ Long (THPT Hoành Bồ cũ).

Trên đây là kết luận kiểm tra rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư thiết bị tại các phòng GDĐT và các trường thuộc các dự án: Tăng cường ứng dụng CNTT tiên tiến trong ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I, II, III); đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo (thuộc Đề án 293 - Nguồn nhân lực); đầu tư hệ thống xử lý và cung cấp nước uống tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn I). Sở GDĐT giao các Phòng: Giáo dục phổ thông, Kế hoạch-Tài chính chịu trách nhiệm về theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Giám đốc; Phó Giám đốc Sở GDĐT;
- UBND cấp huyện;
- Các Phòng GDĐT;
- Đơn vị thuộc và trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDPT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Thị Thúy

BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ PHÒNG HỌC TƯƠNG TÁC ỨNG DỤNG CNTT TIÊN TIẾN - DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TIÊN TIẾN TRONG NGÀNH GDĐT

(Kèm theo Kết luận số 198 /KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở GDĐT)

STT	Tên đơn vị thụ hưởng	Huyện	Phòng học tương tác	Bảng tương tác					Máy chiếu cự li gần				Máy tính xách tay				Máy tính bảng 10"				Camera giám sát				Camera chuẩn HD				Máy chiếu vật thể				Tủ sạc điện di động			
				T.số	BT	Hỏng	Khác		T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác
1	Tiểu học Vĩnh Khê (I)	Đông Triều	6	6	6				6		3	3	6		5	1	200		200		6	6			6	6			6	6			12		9	3
2	THCS Bãi Cháy (I)	Hạ Long	7	7		7			7		7		7	2	5		300		288	12	7	7			7			7	7		5	2	14		14	
3	THPT Uông Bí (I)	Uông Bí	9	9		8	1		9	8	1		9	9			400		397	3	10		10		9			9	9	9			18	18		
4	THPT Hoành Bồ (II)	Hạ Long	6	6	6				6	6			6	3	3		240	240			6	6			6	6			6	3	3		6	6		
5	THPT Hải Đảo (II)	Vân Đồn	8	8			8		8	5	3		8	3	5		320	32	100	188	8		8		8		8		8		8		8		8	
6	THPT Hoàng Quốc Việt (II)	Đông Triều	9	9	3	6			9	3	6		9	9			360	294	66		9	9			9	9			9	9			9	9		
7	THCS Yên Thanh (II)	Uông Bí	4	4	3		1		4	1	3		4	4			160	136	24		4	4			4		4		4		4		4	3	1	
8	THCS Lê Quý Đôn (II)	Quảng Yên	5	5	5				5	2	3		5	5			200	155	45		5		5		5		5		5	5			5	5		
9	THCS Hòa Lạc (II)	Móng Cái	4	4			4		4		4		4	2	2		130	110	20		4	4			4	4			4		4		4	4		
10	THCS Cẩm Thịnh (II)	Cẩm Phả	4	4	3		1		4	3	1		4		4		160	135	25		4	2		2	4	4			4		4		4		4	
11	THCS Thị trấn Tiên Yên (II)	Tiên Yên	5	5	5				5	5			5	4	1		200	160	40		5	5			5	5			5	5			5	3	2	
12	Tiểu học Kim Đồng (II)	Đông Triều	3	3	3				3	3			3	3			105	50	55		3	3			3	3			3	3			3	2	1	
13	Tiểu học Cẩm Đông (II)	Cẩm Phả	4	4	4				4	4			4	4			140	120	20		4		4		4		4		4		4		4	4		
14	Tiểu học Ngô Quyền (II)	Quảng Yên	4	4	2	2			4	4			4	4			140	90	50		4	4			4	4			4	2	2		4	4		
15	Tiểu học Minh Hà (II)	Hạ Long	4	4	2	2			4		4		4	4			140	138	2		4	4			4	4			4	4			4		4	
16	Tiểu học Lý Tự Trọng (III)	Móng Cái	6	6	6				6	6			6	2	4		207	119	82	6	6	6			6	6			6	4	1	1	6	6		
17	Tiểu học Cẩm Bình (III)	Cẩm Phả	7	7	7				7	7			7	6	1		245	245			7	7			7	7			7	7			7	7		
18	Tiểu học Trưng Vương	Uông Bí	5	5	5				5	5			5	5			174	174			5	5			5	5			5	5			5	5		
19	Tiểu học Yên Thanh	Uông Bí	4	4	1	3			4	4			4	4			140	111	29		4	4			4	4			4	4			4	4		
20	Tiểu học Hạ Long (III)	Hạ Long	7	7	7				7	7			7	7			245	147	97	1					7	7			7	7			7	7		
21	Tiểu học Bãi Cháy (III)	Hạ Long	8	8	8				8	8			8	8			280	267	13		8	8			8	8			8	8			8	8		
22	THCS Thị trấn Đầm Hà (III)	Đầm Hà	6	6	4	2			6	6			6	3		3	186	174	12		6	6			6	6			6	5	1		6	6		
23	THCS Trọng Điểm (III)	Hạ Long	8	8	5	3			8	8			8	8			360	350	10		8	8			8	8			8	7	1		8	8		
24	THCS Nguyễn Du (III)	Đông Triều	4	4	3	1			4	3	1		4	3	1		152	145	7		4	4			4	4			4	4			4	2	2	
25	THPT Cẩm Phả (III)	Cẩm Phả	11	11	11				11	11			11	10	1		396	392	4		11	11			11	11			11	11			11	11		
26	THPT Lê Hồng Phong (III)	Cẩm Phả	7	7	7				7	7			7	7			231	192	39		7	7			7	7			7	6	1		7	6	1	
27	THPT Trần Phú (III)	Móng Cái	11	11	11				11	10	1		11	11			429	418	11		11	11			11	11			11	11			11	11		
28	THPT Bãi Cháy (III)	Hạ Long	10	10	10				10	6	4		10	10			380	380			10	10			10	10			10	10			10	7	3	
29	THPT Tiên Yên (III)	Tiên Yên	6	6	6				6	4	2		6	6			198	183	15		6	6			6	6			6	6			6	1	5	
30	THPT Hòn Gai (III)	Hạ Long	13	13	13				13	13			13	13			468	374	94		13	13			13	13			13	13			13	12	1	
31	THPT Chuyên Hạ Long (III)	Hạ Long	13	13	13				13	12	1		13	13			390	374		16	13			13	13	13			13	13			13	12	1	
32	THPT Quảng Hà (III)	Hải Hà	8	8	8				8	8			8	8			272	262	10		8	7	1		8	8			8	8			8	7	1	
			216	**216**	**167**	**34**	**15**		**216**	**169**	**44**	**3**	**216**	**180**	**32**	**4**	**7948**	**5967**	**1755**	**226**	**210**	**167**	**28**	**15**	**216**	**179**	**21**	**16**	**216**	**175**	**38**	**3**	**238**	**178**	**57**	**3**

BẢNG THỐNG KÊ THÔNG THIẾT BỊ HỖ TRỢ XÂY DỰNG BÀI GIẢNG, GIÁO ÁN ĐIỆN TỬ - DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TIÊN TIẾN TRONG NGÀNH GDĐT

(Kèm theo Kết luận số 198 /KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở GDĐT)

STT	Tên đơn vị thụ hưởng	Huyện	Máy quay, đế 3 chân, thẻ nhớ				Micro chuyên dụng				Ổ cứng di động				Máy scan A4 tốc độ cao				Bộ trộn kênh				Máy trạm chuyên dụng				Card dựng phim				Phần mềm xử lý video				Hệ thống đèn phòng quay phim				Máy tính xách tay			
			T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác
1	Tiểu học Vĩnh Khê (I)	Đông Triều	1		1		1	1							1		1		1	1			1		1		1		1		1			1					6		6	
2	THCS Bãi Cháy (I)	Hạ Long	1	1			1	1							1		1		1			1	1	1			1			1	1			1					14	5	6	3
3	THPT Uông Bí (I)	Uông Bí	1	1			1	1			1	1			1	1			1		1		1		1		1		1		1			1					22	18	4	
4	THPT Hoành Bồ (II)	Hạ Long	1		1		1	1			1	1			1		1		1	1			1	1			1	1			1	1							6	3	3	
5	THPT Hải Đảo (II)	Vân Đồn	1		1		1		1		1			1	1	1			1		1		1			1	1			1	1			1	1			1	35		35	
6	THPT Hoàng Quốc Việt (II)	Đông Triều									1		1		1		1		1	1																			10	5	5	
7	THCS Yên Thanh (II)	Uông Bí													1	1			1		1																			5	4		1
8	THCS Lê Quý Đôn (II)	Quảng Yên	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			5	5		
9	THCS Hòa Lạc (II)	Móng Cái	1			1	1		1		1		1		1	1			1	1			1			1	1		1		1		1						6	1	5	
10	THCS Cẩm Thịnh (II)	Cẩm Phả									1	1			1	1			1		1																		4	1	3	
11	THCS Thị trấn Tiên Yên (II)	Tiên Yên	1	1			1	1							1		1		1	1			1	1			1	1											4	1	3	
12	Tiểu học Kim Đồng (II)	Đông Triều									1	1			1	1			1	1																			5	4	1	
13	Tiểu học Cẩm Đông (II)	Cẩm Phả	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			7	7		
14	Tiểu học Ngô Quyền (II)	Quảng Yên					1	1			1	1			1	1			1	1																			5	5		
15	Tiểu học Minh Hà (II)	Hạ Long	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1							5	2	3	
16	Tiểu học Lý Tự Trọng	Móng Cái													1	1			1	1																			6	5	1	
17	Tiểu học Trưng Vương	Uông Bí													1	1			1	1																			6	6		
18	Tiểu học Yên Thanh	Uông Bí													1	1			1	1							1	1											6	5	1	
19	Tiểu học Hạ Long	Hạ Long													1	1			1	1																			9	9		
20	Tiểu học Bãi Cháy	Hạ Long													1	1			1	1																			9	7	2	
21	Tiểu học Cẩm Bình	Cẩm Phả													1	1			1	1																			6	5	1	
22	THCS Thị trấn Đầm Hà	Đầm Hà	1	1			1	1							1	1			1	1			1	1			1	1											4	4		
23	THCS Trọng Điểm Hạ Long	Hạ Long													1	1			1	1																			7	7		
24	THCS Nguyễn Du	Đông Triều													1	1			1	1																			8	7	1	
25	THPT Cẩm Phả	Cẩm Phả													1	1			1	1																			13	13		
26	THPT Lê Hồng Phong	Cẩm Phả													1	1			1	1																			6	6		
27	THPT Trần Phú	Móng Cái													1	1			1	1																			11	11		
28	THPT Bãi Cháy	Hạ Long													1	1			1	1																			13	13		
29	THPT Tiên Yên	Tiên Yên													1	1			1	1																			6	6		
30	THPT Hòn Gai	Hạ Long													1	1			1	1																			17	12	5	
31	THPT Chuyên Hạ Long	Hạ Long													1	1			1	1																			15	15		
32	THPT Quảng Hà	Hải Hà	1	1			1	1							1	1			1	1			1	1			1	1			1	1							9	9		
	Tổng hợp		**12**	**8**	**3**	**1**	**13**	**11**	**2**		**11**	**8**	**2**	**1**	**32**	**27**	**5**		**32**	**27**	**4**	**1**	**12**	**8**	**2**	**2**	**13**	**8**	**3**	**2**	**10**	**5**	**1**	**4**	**3**	**2**		**1**	**290**	**201**	**85**	**4**

BIỂU THỐNG KÊ THIẾT BỊ PHÒNG HỌC/PHÒNG HỌP - DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TIÊN TIẾN TRONG NGÀNH GDĐT

(Kèm theo Kết luận số 198 /KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở GDĐT)

STT	Tên đơn vị thụ hưởng	Huyện	TB webconferencing và Bảng tương tác								Máy chiếu cự li gần				Máy tính xách tay				Màn hình hiển thị Led 65"				Camera giám sát				Camera chuẩn HD 720p nối máy tính/Thiết bị đầu cuối full HD (12x)			
			T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác
1	Tiểu học Vĩnh Khê (I)	Đông Triều	1	1			1	1			1		1		1		1		1	1			1	1			1	1		
2	THCS Bãi Cháy (I)	Hạ Long	1	1			1		1		1		1		1		1		1			1	1	1			1	1		
3	THPT Uông Bí (I)	Uông Bí	1	1			1	1			1			1	1	1			1	1			1		1		1			1
4	THPT Hoành Bồ (II)	Hạ Long	1	1			1	1			1	1			1		1		1	1			1	1			1	1		
5	THPT Hải Đảo (II)	Vân Đồn	1			1	1	1			1			1	1			1	1	1			1			1	1			1
6	THPT Hoàng Quốc Việt (II)	Đông Triều	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1		1		1		1	
7	THCS Yên Thanh (II)	Uông Bí	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
8	THCS Lê Quý Đôn (II)	Quảng Yên	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
9	THCS Hòa Lạc (II)	Móng Cái	1			1	1		1		1		1		1	1			1	1			1	1			1	1		
10	THCS Cẩm Thịnh (II)	Cẩm Phả	1	1			1			1	1	1			1		1		1	1			1	1			1	1		
11	THCS Thị trấn Tiên Yên (II)	Tiên Yên	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
12	Tiểu học Kim Đồng (II)	Đông Triều	1	1			1	1			1	1			1	1			1			1	1	1			1	1		
13	Tiểu học Cẩm Đông (II)	Cẩm Phả	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
14	Tiểu học Ngô Quyền (II)	Quảng Yên	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
15	Tiểu học Minh Hà (II)	Hạ Long	1	4		2	1	1			1		1		1	1			1	1			1	1			1	1		
16	Tiểu học Yên Thanh	Uông Bí	1	1			1		1		1		1		1	1			1	1			1	1			1	1		
17	Tiểu học Trưng Vương	Uông Bí	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
18	Tiểu học Lý Tự Trọng	Móng Cái	1	1			1	1			1	1			1			1	1	1			1	1			1	1		
19	Tiểu học Cẩm Bình	Cẩm Phả	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
20	Tiểu học Hạ Long	Hạ Long	1	1			1		1		1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
21	Tiểu học Bãi Cháy	Hạ Long	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
22	THCS Thị trấn Đầm Hà	Đầm Hà	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1		1		1	1		
23	THCS Trọng Điểm Hạ Long	Hạ Long	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
24	THCS Nguyễn Du	Đông Triều	1			1	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
25	THPT Cẩm Phả	Cẩm Phả	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
26	THPT Lê Hồng Phong	Cẩm Phả	1	1			1	1			1	1			1	1							1	1			1	1		
27	THPT Trần Phú	Móng Cái	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
28	THPT Bãi Cháy	Hạ Long	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
29	THPT Tiên Yên	Tiên Yên	1	1			1	1			1		1		1	1			1	1			1	1			1	1		
30	THPT Hòn Gai	Hạ Long	1		1		1	1			1	1			1	1			1	1			1		1		1	1		
31	THPT Chuyên Hạ Long	Hạ Long	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1		
32	THPT Quảng Hà	Hải Hà	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1		1		1	1		
	Tổng hợp		**32**	**31**	**1**	**5**	**32**	**27**	**4**	**1**	**32**	**24**	**6**	**2**	**32**	**26**	**4**	**2**	**31**	**29**	**0**	**2**	**32**	**26**	**5**	**1**	**32**	**29**	**1**	**2**

BIỂU THỐNG KÊ THIẾT BỊ DÙNG CHUNG DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TIÊN TIẾN TRONG NGÀNH GDĐT

(Kèm theo Kết luận số 198 /KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở GDĐT)

STT	Tên đơn vị thụ hưởng	Huyện	Loa treo tường 30W				Ampli 120W				Micro cài ve áo - Toa				Giá treo máy chiếu				Điều hòa không khí				Đầu ghi hình			
			T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác
1	Tiểu học Vĩnh Khê	Đông Triều	14	14			7	7			7		7		7	7										
2	THCS Bãi Cháy	Hạ Long	14		14		7		7		7		7		7	7										
3	THPT Uông Bí	Uông Bí	20	20			10	9	1		10		10		10	10							1		1	
4	THPT Hoành Bồ	Hạ Long	12	12			6	3	3		6		6		6	6			29	23	6					
5	THPT Hải Đảo	Vân Đồn	16	10	6		8	3	5		8		8		8	7	1		16	10	6					
6	THPT Hoàng Quốc Việt	Đông Triều	20	20			10	10			10	3	7		10	10										
7	THCS Yên Thanh	Uông Bí	10	4	6		5	2	3		5		5		5	4		1	12	12						
8	THCS Lê Quý Đôn	Quảng Yên	2	2			6	6			6		6		6	6										
9	THCS Hòa Lạc	Móng Cái	8	8			4	4			4	2	2		4	4										
10	THCS Cẩm Thịnh	Cẩm Phả	10	10			5	5			5	5			5	5										
11	THCS Thị trấn Tiên Yên	Tiên Yên	12	12			5	5			6	1	5		6	6										
12	Tiểu học Kim Đồng	Đông Triều	6	6			3	3			2	2			3	3			6	6						
13	Tiểu học Cẩm Đông (II)	Cẩm Phả	10	10			5	5			5	5			5	5			12	12			1	1		
14	Tiểu học Ngô Quyền (II)	Quảng Yên	8	8			4	4			4	2	2										1	1		
15	Tiểu học Minh Hà (II)	Hạ Long	8	4		2	4	4			4	2	2		4	4			8	6	2					
16	Tiểu học Yên Thanh	Uông Bí	8	8			4	4			4	4			4	4										
17	Tiểu học Trưng Vương	Uông Bí	10	10			5	5			5	5			5	5										
18	Tiểu học Lý Tự Trọng	Móng Cái	12	8	4		1	1			7	2	1	4	6	6										
19	Tiểu học Cẩm Bình	Cẩm Phả	16	16			8	8			8	8			8	8										
20	Tiểu học Hạ Long	Hạ Long	16	16			7	7			8	8			8	8										
21	Tiểu học Bãi Cháy	Hạ Long	16	16			8	8			8	8			8	8			16	16						
22	THCS Thị trấn Đầm Hà	Đầm Hà	14	14			7	7			7	7			7	7										
23	THCS Trọng Điểm Hạ Long	Hạ Long	16	16			8	8			8	8			8	8										
24	THCS Nguyễn Du	Đông Triều	10	10			5	5			5	5			4	4										
25	THPT Cẩm Phả	Cẩm Phả	22	22			11	11			11	10	1		11	11										
26	THPT Lê Hồng Phong	Cẩm Phả	16	16			8	8			8	8			8	8										
27	THPT Trần Phú	Móng Cái	24	24			12	12			12	12			12	12			22	22						
28	THPT Bãi Cháy	Hạ Long	20	18	2		10	10			10	10			10	9	1									
29	THPT Tiên Yên	Tiên Yên	14	14			7	6	1		7	7			7	7										
30	THPT Hòn Gai	Hạ Long	26	26			13	13			13	13			13	13			26	26						
31	THPT Chuyên Hạ Long	Hạ Long	26	26			13	13			13	9		4	13	13										
32	THPT Quảng Hà	Hải Hà	16	16			8	8			8	5	3		8	8			16	16						
	Tổng hợp		**452**	**416**	**32**	**2**	**224**	**204**	**20**		**231**	**151**	**72**	**8**	**226**	**223**	**2**	**1**	**163**	**149**	**14**		**3**	**2**	**1**	

BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG (THIẾT BỊ MẠNG, MÁY CHỦ VÀ HẠ TẦNG CNTT) DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TIÊN TIẾN TRONG NGÀNH GDĐT

(Kèm theo Kết luận số 198 /KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở GDĐT)

STT	Tên đơn vị thụ hưởng	Huyện	Thiết bị chuyển mạch trung tâm				Switch 24port (AT-GS924MPX)				Switch 24port (AT-GS924MX)				Wireless Access Point				WLAN Controller				Điều hòa 18000BTU				Ổ cứng mạng 6TB				Bộ định tuyến (Alliced AT-AR770S)				Máy để bàn (HP ProDesk 400G3)			
			T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác	T.số	BT	Hỏng	Khác
1	Tiểu học Vĩnh Khê	Đông Triều	2	2			1	1	3		2	2			24	14	10		1	1			1	1			1	1							1		1	
2	THCS Bãi Cháy	Hạ Long	1		1		1		1		1		1		7		7		1		1		1	1			1		1		1		1		1		1	
3	THPT Uông Bí	Uông Bí	1	1			1	1			2	2			23		23		1	1			21	21			1			1	1	1			1	1		
4	THPT Hoành Bồ	Hạ Long	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			1	1										
5	THCS Yên Thanh	Uông Bí	1	1			1	1			2	2			1	1			1	1			12	12			1	1			1	1						
6	Tiểu học Yên Thanh	Uông Bí	1	1			1	1			6	6			8	8			1		1		9	9							1			1				
7	Tiểu học Trưng Vương	Uông Bí	1	1			1	1			6	6			9	9			1	1			11	11														
8	THCS Cẩm Thịnh	Cẩm Phả	1			1	1	1			4	4			10	10			1	1			13	13			1	1			1	1						
9	THCS Thị trấn Tiên Yên	Tiên Yên	1		1		1	1			1	1			1	1			1	1			15	15														
10	Tiểu học Kim Đồng	Đông Triều	1	1			1	1			6	6			9	9			1	1			5	5			1	1										
11	Tiểu học Cẩm Đông (II)	Cẩm Phả	1	1			1	1			6	6			10	10			1	1			1	1			1	1			1	1						
12	Tiểu học Ngô Quyền (II)	Quảng Yên	1	1			7	5	2		1	1			10	8	2		1	1			13	13														
13	Tiểu học Minh Hà (II)	Hạ Long	1	1			1	1			10	10			4	4			1	1			1	1			1	1			1	1						
14	THCS Hòa Lạc	Móng Cái	1	1			1			1	1			1	6	6		6	1			1	13	13														
15	THCS Lê Quý Đôn	Quảng Yên	1	4		2					5	5			11	11			1	1			15	15											1	1		
16	THPT Hoàng Quốc Việt	Đông Triều	1	1											15	15							23	18	5						1	1						
17	THPT Hải Đảo	Vân Đồn	1	1			1	1			4	4			8	8			1	1			16	8	8													
18	Tiểu học Lý Tự Trọng	Móng Cái	1	1			1	1			6	6			10	10							13	13							1	1						
19	Tiểu học Cẩm Bình	Cẩm Phả	1	1			1		1		6	6			11	11			1	1			15	15							1	1						
20	Tiểu học Hạ Long	Hạ Long	1	1							6	6			11	11							15	14	1		1	1			1	1						
21	Tiểu học Bãi Cháy	Hạ Long	1	1			1	1			1	1											17	17														
22	THCS Thị trấn Đầm Hà	Đầm Hà	1	1							4	4			10	9	1						13	11	2						1	1						
23	THCS Trọng Điểm Hạ Long	Hạ Long	1	1			1	1							12	12							16	16											1	1		
24	THCS Nguyễn Du	Đông Triều	1	1							3	3			8	8							9	9														
25	THPT Cẩm Phả	Cẩm Phả	1	1			1	1			1	1			11	11							22	22														
26	THPT Lê Hồng Phong	Cẩm Phả	1	1							6	6			11	11							15	15							1	1						
27	THPT Trần Phú	Móng Cái	1	1											16	16			1	1			22	22														
28	THPT Bãi Cháy	Hạ Long	1		1		7	7			7	7			1	1			80	60	20		20	20			1	1			1		1		1	1		
29	THPT Tiên Yên	Tiên Yên	1	1							5	5			10	8	2						13	13														
30	THPT Hòn Gai	Hạ Long	1	1											13	8	5						26	26														
31	THPT Chuyên Hạ Long	Hạ Long	1	1							10	10			17	17			1	1			26	26							1			1				
32	THPT Quảng Hà	Hải Hà	1	1							8	8			12	12			1	1			18	18			1	1			1	1			1	1		
	Tổng hợp		**33**	**32**	**3**	**3**	**39**	**31**	**7**	**1**	**121**	**119**	**1**	**1**	**310**	**260**	**50**	**6**	**100**	**77**	**22**	**1**	**431**	**415**	**16**		**12**	**10**	**1**	**1**	**16**	**12**	**2**	**2**	**7**	**5**	**2**	

BIỂU THỐNG KÊ HIỆU QUẢ PHÒNG HỌC - DỰ ÁN ỨNG DỤNG CNTT TIÊN TIẾN TRONG NGÀNH GDĐT

(Kèm theo Kết luận số 198 /KL-SGDĐT ngày 31/01/2023 của Sở GDĐT)

STT	Tên đơn vị thụ hưởng	Huyện	Số cuộc tập huấn sử dụng				Số HS được tham gia học tập tại phòng có UD CNTT PT (người)	Số môn học ứng dụng CNTT tiên tiến	Số bài giảng điện tử đã thiết kế (ở các mức độ)				Số GV đã thực hiện giảng dạy ở MĐ1,2,3				Tổng số tiết học các mức độ 1,2,3			
			T.số	CBQL	GV,NV	HS			T.số	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	T.số	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	T.số	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1	Tiểu học Vĩnh Khê (I)	Đông Triều	8	2	6		1.551	11	**11.089**	6.653	2.772	1.664	**110**	45	40	25	**30.587**	18.463	7.853	4.271
2	THCS Bãi Cháy (I)	Hạ Long	8	2	3	3	950	10	**7.401**	3.245	2.541	1.615	**120**	55	40	25	**15.017**	13.618	765	634
3	THPT Uông Bí (I)	Uông Bí	8	3	5	0	3.150	12	**10.979**	10.669	226	84	**106**	62	32	12	**10.979**	10.669	310	0
4	THPT Hoành Bồ (II)	Hạ Long	0	0	0	0		0		0	0	0		0	0	0		0	0	0
5	THPT Hải Đảo (II)	Vân Đồn	10	5	5	0	1.010	11	**3.123**	3.000	123		**62**	57	5		**7.861**	6.714	1.147	0
6	THPT Hoàng Quốc Việt (II)	Đông Triều	3	1	1	1	5.979	11	**1.705**		1.136	569	**87**	51	24	12	**5.115**	3.408	1.138	569
7	THCS Yên Thanh (II)	Uông Bí	11	2	5	4	1.456	12	**11.361**	7.570	3.441	350	**31**	4	18	9	**11.361**	7.570	3.441	350
8	THCS Lê Quý Đôn (II)	Quảng Yên	33	2	31		2.923	12	**16.514**	15.890	624		**161**	141	20		**22.440**	15.890	624	0
9	THCS Hòa Lạc (II)	Móng Cái	26	2	12	12	1.134	12	**8.670**	8.180	470	20	**70**	40	20	10	**8.670**	8.180	470	20
10	THCS Cẩm Thịnh (II)	Cẩm Phả	18	6	6	6	1.419	15	**4.051**	3.671	374	6	**100**	50	40	10	**15.694**	14.172	1.498	24
11	THCS Thị trấn Tiên Yên (II)	Tiên Yên	12	2	9	1	2.463	16	**6.077**	4.557	1.217	303	**47**	33	13	1	**6.077**	4.790	1.059	218
12	Tiểu học Kim Đồng (II)	Đông Triều	15	3	12		1.962	10	**1.472**	256	1.088	128	**67**	28	24	15	**3.770**	2.327	2.165	194
13	Tiểu học Cẩm Đông (II)	Cẩm Phả	45	4	42	2	1.142	10	**11.087**	10	1.020	51	**63**	51	12	0	**12.158**	11.087	1.020	51
14	Tiểu học Ngô Quyền (II)	Quảng Yên	7	2	5		691	11	**10.525**	5.032	3.895	1.598	**31**	19	8	4	**12.020**	7.336	3.789	895
15	Tiểu học Minh Hà (II)	Hạ Long	9	2	5	2	898	11	**2.611**	865	625	1.121	**32**	5	20	7	**5.525**	4.461	913	151
16	Tiểu học Yên Thanh	Uông Bí	10	2	4	4	1.520	10	**10.722**	5.756	4.720	246	**36**	18	10	8	**10.724**	5.756	4.722	246
17	Tiểu học Trưng Vương	Uông Bí	12	2	5	5	1.435	10	**7.911**	6.240	1.521	150	**20**	11	7	2	**10.192**	5.523	3.773	896
18	Tiểu học Lý Tự Trọng	Móng Cái	43	3	40		2.475	8	**1.717**	1.680	21	16	**100**	76	21	3	**2.797**	1.680	1.112	5
19	Tiểu học Cẩm Bình	Cẩm Phả	12	6	6		1.177	10	**19.892**	15.296	4.596	0	**56**	43	13		**19.892**	15.296	4.596	0
20	Tiểu học Hạ Long	Hạ Long	16	8	8		2.326	10	**17.849**	14.463	3.342	44	**123**	69	50	4	**17.629**	14.109	3.476	44
21	Tiểu học Bãi Cháy	Hạ Long	18	6	6	6	2.059	10	**20.542**	17.432	3.081	29	**153**	75	75	3	**20.449**	17.342	3.081	26
22	THCS Thị trấn Đầm Hà	Đầm Hà	1	1			1.040	16	**2.545**	2.345	200	0	**76**	66	10		**2.545**	2.345	200	0
23	THCS Trọng Điểm Hạ Long	Hạ Long	10	2	5	3		11	**15.204**	13.784	1.410	10	**55**	25	25	5	**24.744**	23.284	1.440	20
24	THCS Nguyễn Du	Đông Triều	4	1	2	1	473	12	**3.761**	2.848	854	59	**23**	23	0	0	**35.445**	27.056	8.206	183
25	THPT Cẩm Phả	Cẩm Phả	13	3	9	1	1.360	11	**15.040**	10.001	4.090	949	**132**	69	45	18	**15.869**	11.415	3.995	459
26	THPT Lê Hồng Phong	Cẩm Phả	69	7	62		6.300	12	**2.198**	2.020	147	31	**162**	62	50	50	**17.843**	11.546	5.572	725
27	THPT Trần Phú	Móng Cái	19	12	5	2	2.382	12	**16.039**	10.223	4.998	818	**148**	68	52	28	**16.039**	10.223	4.998	818
28	THPT Bãi Cháy	Hạ Long	15	3	8	4	2.325	12	**6.883**	6.260	536	87	**77**	34	32	11	**7.013**	6.260	666	87
29	THPT Tiên Yên	Tiên Yên	15	3	8	4	2.325	12	**6.883**	6.260	536	87	**77**	34	32	11	**7.013**	6.260	666	87
30	THPT Hòn Gai	Hạ Long	16	6	5	5	2.600	11	**13.365**	9.900	2.475	990	**108**	71	27	10	**13.365**	12.182	1.068	115
31	THPT Chuyên Hạ Long	Hạ Long	14	8	3	3	910	11	**4.382**	2.986	1.314	82	**93**	54	30	9	**4.514**	3.068	1.353	81
32	THPT Quảng Hà	Hải Hà	10	4	5	1	1.680	12	**4.310**	3.918	310	82	**75**	33	27	15	**4.310**	3.918	310	82
Tổng cộng			**510**	**115**	**328**	**70**	**59.115**		**275.908**	**201.010**	**53.703**	**11.189**	**2.601**	**1.472**	**822**	**307**	**397.657**	**305.948**	**75.426**	**11.251**